

NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÔNG VIỆC NỘI TRỢ GIỮA VỢ VÀ CHỒNG

TRƯƠNG THU TRANG^()*

tổng thuật

1. Tình hình nghiên cứu

Bình đẳng giới trong gia đình là một chủ đề lớn thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách xã hội. Theo Điều 5 Luật bình đẳng giới thì *“bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó”*. Tuy nhiên, “bình đẳng giới không có nghĩa là phụ nữ và nam giới phải như nhau mà có nghĩa là những điểm tương đồng và khác biệt của phụ nữ và nam giới đều được đánh giá ngang nhau” (8). Trong các nghiên cứu về bình đẳng giới, nhiều tác giả thống nhất coi phân công lao động theo giới, đặc biệt là phân công lao động trong thực hiện công việc nhà, là công cụ rất quan trọng để tìm hiểu vấn đề bình đẳng giới trong gia đình.

Tác giả Lê Thi trong cuốn “Gia đình Việt Nam trong bối cảnh đất nước đổi mới” (4, tr. 234-243) đã đưa ra bốn tiêu chí nhận biết sự bình đẳng giới trong gia đình là: cơ hội tiếp cận các nguồn lực

phát triển gia đình, địa vị trong lao động xây dựng gia đình, sự thụ hưởng lợi ích và quyền quyết định những công việc quan trọng trong gia đình. Trong những tiêu chí đó, tiêu chí thứ hai đề cập đến vấn đề sự đóng góp sức lao động của mỗi giới vào công việc gia đình, tức là vấn đề bình đẳng giới trong phân công lao động. Tương tự như GS Lê Thi, các tác giả Đỗ Thị Bình và Trần Thị Vân Anh trong nghiên cứu “Giới và công tác giảm nghèo” (1) cũng đưa ra 3 công cụ phân tích giới: phân công lao động theo giới, tiếp cận và kiểm soát nguồn lực và lợi ích, mô hình ra quyết định.

Công cụ “phân công lao động theo giới” trả lời câu hỏi “ai làm gì?” và cho phép chỉ ra những khác biệt và bất hợp lý từ góc độ giới trong công việc, lợi ích và địa vị xã hội của phụ nữ và nam giới. Còn tác giả Nguyễn Kim Hà trong bài viết “Về phân công lao động nam-nữ như một công cụ phân tích giới” (3) lại dẫn ra *Lý thuyết về khung phân tích giới* với 8 công cụ phân tích giới trong đó có công cụ “phân công lao động theo giới”. Như

^(*) ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội.

vậy, dù có sự khác nhau về số lượng các công cụ phân tích, nhưng các tác giả trên đã cùng thống nhất ở quan điểm xem phân công lao động theo giới là một công cụ quan trọng để phân tích vấn đề bình đẳng giới. Tuy nhiên, giữa họ lại có những điểm tương đồng và khác biệt về cách nhìn nhận xem có bình đẳng giới hay không cũng như cách dùng các tiêu chí đo lường.

Một số tác giả cho rằng có sự *bất bình đẳng giới* trong phân công lao động gia đình (PCLĐGD) với vị trí thấp kém của người phụ nữ. Các công việc nuôi dưỡng, cho đến nay vốn do phụ nữ thực hiện là chính, thường được coi là "việc vặt", không được lượng hoá bằng tiền... Do vậy khi tính đến việc đóng góp kinh tế cho gia đình thì phụ nữ thường bị đánh giá thấp và được coi là có vai trò kém hơn nam giới (xem 1). Có quan điểm khẳng định sự thiệt thòi của người phụ nữ trong công việc gia đình, những công việc mà đúng ra phải được tính như một nguồn thu nhập của gia đình nếu như phải thuê người giúp việc. Do đó, cần có sự đánh giá công bằng cho những lao động dường như là nhỏ nhặt, vụn vặt trong gia đình của người phụ nữ so với những lao động dễ định lượng khác của nam giới. Và theo Sean Poulter (2002), để làm việc nhà, người phụ nữ Anh phải dùng một số lượng thời gian rất lớn: 70.7 giờ/tuần để làm các công việc như trông nom, chăm sóc con cái, nấu ăn, giặt giũ, lau chùi nhà cửa... thậm chí là 80, hay 90 giờ nếu họ có con nhỏ. Và tính ra tiền công của những lao động đó thì sẽ là 349 bảng Anh/tuần.

Trái ngược với quan điểm khẳng định sự bất bình đẳng trong PCLĐGD trên, tác giả Lê Ngọc Văn, trong một

nghiên cứu điền dã, đã cho rằng "PCLĐGD ở nông thôn Việt Nam ngày càng có chiều hướng tăng lên. Tuy nhiên, phân công lao động trong gia đình tăng lên *không hoàn toàn đồng nghĩa với tăng bất bình đẳng giới*". Qua quá trình phỏng vấn và phân tích số liệu, tác giả kết luận: "Không có cơ sở để nói rằng phân công lao động theo giới ở nông thôn Việt Nam hiện nay dẫn đến sự phụ thuộc hoặc phục tùng của phụ nữ đối với nam giới" (xem 7). Như vậy, trong khi quan điểm thứ nhất chủ yếu đi vào những vấn đề lý thuyết và có xu hướng kêu gọi bình đẳng trong PCLĐGD, thì tác giả Lê Ngọc Văn lại có xu hướng chứng minh ngược lại bằng một nghiên cứu thực tế tại nông thôn Việt Nam. Tác giả cũng cho rằng phân công lao động theo giới trong gia đình là một điều tất yếu khách quan, nên duy trì (như là một quá trình sử dụng lợi thế so sánh về giới) nhằm tăng tối đa thu nhập và phúc lợi của hộ. Và "chỉ nên xoá bỏ những hình thức phân công lao động theo giới nào dẫn đến sự phụ thuộc và phục tùng của phụ nữ đối với nam giới. Nhưng cũng cần duy trì và phát huy những hình thức phân công lao động tạo nên sự hợp tác giữa hai giới" (3, tr. 155-169). Tuy nhiên, tác giả chưa chỉ ra sự phân công lao động nào sẽ dẫn đến sự phục tùng của người phụ nữ đối với nam giới và sự phân công lao động nào dẫn đến sự hợp tác giữa hai giới.

2. Hiện trạng phân công lao động nội trợ ở nông thôn Việt Nam

So sánh việc phân công thực hiện công việc nội trợ trong gia đình ở hai thời điểm khác nhau (năm đầu sau khi kết hôn và trong năm 2006) cho thấy bất kể là thời điểm nào thì người vợ vẫn giữ vai trò chính trong thực hiện công việc nội trợ. Tỷ lệ người vợ chủ yếu làm

các công việc giữ tiền chi tiêu cho gia đình, mua thức ăn, nấu cơm, rửa bát, dọn nhà, giặt giũ luôn vượt quá 50%, thậm chí có công việc lên đến 89%. Trong khi đó, tỷ lệ người chồng làm các công việc nội trợ là rất nhỏ, luôn dưới 11%. Như vậy, xét dưới góc độ số lượng công việc nội trợ mà vợ và chồng thực hiện thì hiện tượng bất bình đẳng trong phân công thực hiện công việc nội trợ trong gia đình biểu hiện khá rõ nét (bảng 1).

So sánh tương quan các công việc nội trợ mà người chồng làm trong vài năm đầu sau khi kết hôn, ta thấy tỷ lệ

ăn, nấu cơm, rửa bát, dọn nhà và giặt giũ (không quá 3%). Đồng thời, so sánh tỷ lệ các việc nhà mà người khác trong gia đình (bố chồng, mẹ chồng...) làm trong năm đầu hai vợ chồng mới kết hôn thì tỷ lệ những người khác thực hiện việc giữ tiền chi tiêu là cao nhất. Điều này có thể giải thích là khi người vợ mới cưới, chưa được tin tưởng nhiều và cũng còn nhiều ngỡ ngàng nên chưa phải quán xuyến các công việc chi tiêu. Tuy nhiên, khi so sánh với thời điểm trong năm qua (2006), thì xu hướng đã có sự thay đổi (xem bảng 2)

So với thời kỳ mới kết hôn, vai trò của người đảm nhận chính các công việc trong gia đình hiện nay đã có sự thay đổi đáng kể. Tỷ lệ người vợ chủ yếu làm các công việc nhà đã giảm đi khá nhiều ở các việc: nấu cơm, rửa bát, dọn nhà, giặt giũ. Chỉ có tỷ lệ giữ tiền chi tiêu và mua thức ăn là tăng lên. Tỷ lệ người chồng làm các công việc nội trợ đã tăng chút ít ở tất cả các loại công việc. Song, việc người vợ được giảm bớt gánh nặng công việc nội trợ lại chủ yếu là do người khác trong gia đình làm. Tỷ lệ người khác chủ yếu làm công việc

người chồng giữ tiền chi tiêu là cao nhất (10,8%). Họ rất ít làm các việc mua thức

nhà trong năm qua tăng lên đáng kể (rửa bát tăng từ 4,6% lên 29,6%). Điều

Bảng 1: Mô hình tham gia các công việc nội trợ của vợ và chồng trong vài năm đầu sau khi kết hôn (%)

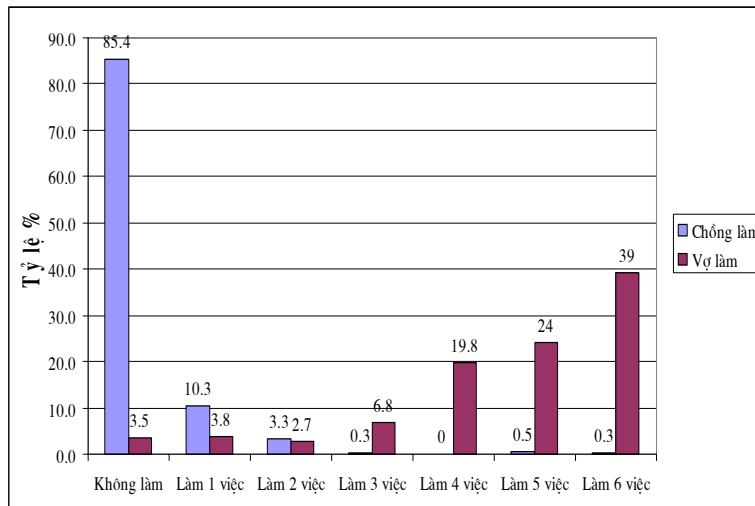
Người thực hiện chính Công việc	Vợ	Chồng	Hai vợ chồng	Những người khác
Giữ tiền chi tiêu cho gia đình	53.1	10.8	9.8	26.3
Mua thức ăn	74.3	3.0	2.7	20.1
Nấu cơm	82.1	2.4	6.8	8.7
Rửa bát	89.7	1.1	4.6	4.6
Dọn nhà	78.9	3.0	11.4	6.8
Giặt giũ	87.0	1.6	7.3	4.1
Tổng số người được hỏi (người)	369			

Bảng 2: Mô hình tham gia các công việc nội trợ của vợ và chồng trong năm 2006 (%)

Người thực hiện chính Công việc	Vợ	Chồng	Hai vợ chồng	Những người khác
Giữ tiền chi tiêu cho gia đình	68,6	14,9	13,3	3,2
Mua thức ăn	87,5	5,4	3,3	3,8
Nấu cơm	64,8	8,1	8,7	18,5
Rửa bát	63,1	1,9	4,9	29,6
Dọn nhà	59,6	8,1	12,2	21,1
Giặt giũ	69,4	3,3	10	17,3
Tổng số người được hỏi (người)	369			

Nguồn: Số liệu điều tra tại xã Phù Linh - Sóc Sơn. Cuộc điều tra nội bộ của Viện Khoa học xã hội Việt Nam (4/2007)

này có thể được lý giải là do con trai và con gái đã lớn nên giúp mẹ công việc nhà (trong những người khác làm công việc nội trợ, tỷ lệ con cái chiếm đa số). Như vậy, về tổng thể tình trạng bất bình đẳng trong phân công thực hiện công việc nội trợ giữa vợ và chồng vẫn chưa thay đổi nhiều. Điều này được khẳng định một lần nữa qua xem xét biểu đồ so sánh số lượng công việc nội trợ mà vợ và chồng làm.



Nhìn vào biểu đồ trên, chúng ta thấy rõ sự bất bình đẳng trong thực hiện các công việc nhà, số lượng người chồng không làm công việc nhà nào chiếm tỷ lệ 84,5%, trong khi tỷ lệ người chồng làm cả 6 công việc nhà chỉ có 0,27%. Ngược lại, tỷ lệ người vợ làm cả 6 công việc nhà là 39,3% và chỉ có 3,5% người vợ không làm việc nhà.

Như vậy, tình trạng bất bình đẳng trong phân công công việc nội trợ là rất rõ ràng. Song, những yếu tố nào ảnh hưởng đến việc phân công như vậy, bài

viết sẽ tiếp tục phân tích và giải thích ở phần sau.

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến phân công lao động nội trợ

Xem xét tổng thể các biến số độc lập tác động đến sự bình đẳng trong phân công thực hiện công việc nhà giữa vợ và chồng qua bảng 3 ta thấy như sau.

Cấu trúc hộ gia đình có tác động tới việc phân công công việc nội trợ. Đối với những gia đình có người thứ ba trên 10 tuổi (có con cái lớn đủ tuổi giúp việc nội trợ hoặc người khác lớn tuổi), tỷ lệ người khác chủ yếu làm việc nội trợ cao hơn hẳn những gia đình có con dưới 11 tuổi hoặc chỉ có hai vợ chồng (không có người giúp việc nội trợ). Đặc biệt là công việc rửa bát, dọn nhà và giặt giũ là những công việc mà con cái có thể giúp người mẹ nhiều, tỷ lệ người vợ phải thường xuyên làm việc nội trợ thấp hơn.

Mức độ người vợ tham gia các công việc nhà có chịu ảnh hưởng của độ tuổi với những hệ số tương quan tương đối mạnh ($p = 0,02$). Xu hướng là người vợ ở lứa tuổi từ 35-45 làm công việc nhà thường xuyên nhất. Những người ở lứa tuổi trên 45 tuy có khả năng là có nhiều thời gian ở nhà hơn nhưng tỷ lệ họ không làm việc nhà lại chiếm tỷ lệ tương đối lớn. Điều này có thể giải thích là ở lứa tuổi trên 45, người vợ đã có con cái ở lứa tuổi có thể giúp đỡ các công việc nhà như đã nêu trên.

Với gia đình mà thuộc hộ thuần nông thì tỷ lệ người vợ phải làm việc nội trợ thường xuyên ít hơn so với hộ phi nông. Đó là do người chồng cũng làm nông nghiệp nên có nhiều thời gian ở nhà hơn và có thể chia sẻ việc nhà với vợ nhiều hơn. Hộ gia đình có loại hình nghề nghiệp hỗn hợp có tỷ lệ tương tự với hộ phi nông được giải thích là ở những hộ này, phần lớn người chồng làm phi nông nghiệp còn người vợ làm nông nghiệp. Do đó, người chồng ít có thời gian chia sẻ việc nhà với vợ.

Khi so sánh tương quan giữa chênh lệch thu nhập của vợ chồng với số lượng công việc nhà mà vợ và chồng làm thì không thể hiện tương quan. Dù ở độ chênh lệch thu nhập như thế nào thì

người vợ vẫn là người làm nhiều loại công việc nhà hơn chồng. Nhưng nếu so sánh tương quan giữa chênh lệch thu nhập vợ chồng với mức độ vợ làm các công việc nhà ta thấy, với trường hợp người chồng có thu nhập cao hơn vợ thì số lượng người vợ thường xuyên làm việc nhà chiếm tỷ lệ cao nhất. Như vậy, trong những gia đình mà người chồng có thu nhập cao hơn vợ thường có sự bất bình đẳng hơn trong phân công thực hiện công việc nhà. Điều này thể hiện phần nào lý thuyết về xung đột quyền lực. Người chồng có thu nhập cao hơn nên có khả năng là cho mình có nhiều quyền hơn và được quyền nghỉ ngơi nhiều hơn. Quả vậy, khi phỏng vấn sâu về vấn đề này, các ý kiến của cả nam và

nữ đều cho rằng như thế là hợp lý vì người chồng đã đi làm kiếm tiền ở ngoài vất vả rồi thì người vợ ở nhà cần phải và nên làm các công việc nhà. Chỉ khi người chồng không đi làm gì, chỉ ở nhà chơi bồi, uống rượu, không làm việc nhà thì các ý kiến mới cho là có sự bất bình đẳng.

Yếu tố chênh lệch học vấn không có mối tương quan đáng kể về mặt thống kê với mức độ thực hiện công việc nội trợ của vợ ($p = 0,4$). Điều này có thể giải thích thông qua ảnh hưởng của yếu tố văn hoá truyền thống. Nghĩa là quan niệm “việc nhà là thiên chức của người phụ nữ” đã ăn sâu vào ý thức của người dân ở bất kỳ trình độ

Bảng 3: Các yếu tố tác động đến phân công thực hiện công việc nhà của vợ và chồng

Các biến số	Mức độ làm của vợ			p
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không làm	
1	Loại hình gia đình			0,05
	Có người khác giúp			
	Không có người giúp			
2	Độ tuổi của vợ			0,02
	Từ 18 đến 35			
	Từ 36 đến 45			
	Trên 45			
3	Nghề của hộ			0,05
	Thuần nông			
	Hỗn hợp			
	Phi nông			
4	Chênh lệch thu nhập			0,04
	Chồng kém vợ			
	Bằng nhau			
	Chồng hơn vợ			
5	Chênh lệch học vấn			0,4
	Chồng kém vợ			
	Bằng nhau			
	Chồng hơn vợ			
	Tổng số người được hỏi			369

Nguồn: như trên

học vấn nào. Chẳng hạn, khi được hỏi: “Công việc nội trợ có phải là thiên chức của phụ nữ hay không?” Tất cả các ý kiến (cả nam lẫn nữ) đều trả lời là đúng. Chính vì quan điểm định kiến giới như vậy nên, các ý kiến đó cho rằng việc người phụ nữ chủ yếu làm các công việc nhà là đương nhiên và như thế không có gì là bất công cả: *“Nếu như các công việc nội trợ trong gia đình, cơm cháo, bếp núc thì theo chị nghĩ đó là công việc của đàn bà... Vì đàn bà, phụ nữ mình bao giờ cũng phải chịu thiệt thòi hơn nam giới. Đàn ông người ta vẫn có cái quyền hơn mình. Đấu tranh đòi bình đẳng thì cũng được đấu tranh, cũng nên đòi nhưng mà đòi cũng không được ấy chứ.”* (Nữ, 32 tuổi, nghề nông, gia đình nghèo).

Như vậy, có một nghịch lý rõ ràng đang hiển hiện. Chúng ta luôn kêu gọi, đấu tranh thực hiện quyền bình đẳng cho người phụ nữ trên mọi lĩnh vực. Bình đẳng trong làm việc nội trợ cũng là một phần quan trọng của nội dung bình đẳng giới. Nhưng bản thân người phụ nữ nông thôn lại vẫn coi công việc nội trợ là "thiên chức" của mình và không cho là bất bình đẳng giới trong sự phân công đó. Ngoài ra, trong xã hội không phải không còn những người đàn ông cho rằng họ sinh ra là để làm những việc lớn và gánh nặng nội trợ để dành trọn cho người vợ của mình. Rõ ràng, một nguyên nhân quan trọng gây nên sự bất bình đẳng giữa vợ và chồng trong công việc nội trợ là quan niệm, định kiến về giới còn nặng nề. Liệu có thể có bình đẳng thực sự khi người phụ nữ chưa thể để gia đình, chồng con thiếu vắng bàn tay chăm sóc của họ "một ngày". Còn người đàn

ông thì lại luôn tâm niệm rằng việc nhà là của phụ nữ, họ không có trách nhiệm phải mớ tay vào.

Khi trao đổi về việc đánh giá thời gian và công sức phải bỏ ra khi thực hiện công việc nội trợ, phần lớn ý kiến cho rằng công việc này chỉ tốn thời gian mà không tốn công sức. Song, nhìn chung cả người chồng và vợ đều thấy được giá trị đích thực và công sức mà người làm việc nhà phải bỏ ra: *“Nói chung nội trợ thì không phải là nặng nhọc nhưng cũng mất khá nhiều thời gian đấy và làm việc nhà không phải là không mệt đâu”*. (PVS, Nam 38 tuổi, nghề nông).

Về giá trị kinh tế, các ý kiến cho rằng công việc nhà có mang giá trị kinh tế nhưng ở mức thấp: *“Chị thì chị đánh giá công việc nhà đóng góp vào thu nhập trong gia đình ở mức độ bình thường. Nếu mà quy ra tiền thì chị đánh giá nó cũng ở mức không đáng bao nhiêu đâu, không đáng kể lắm, chỉ khoảng hai trăm (ngàn) hoặc hơn hai trăm một tháng thôi.”* (Nữ, 32 tuổi, nghề nông)

4. Một số kết luận

Hiện nay, tình trạng bất bình đẳng giới trong phân công lao động giữa vợ và chồng đã được cải thiện một phần so với trước đây. Tỷ lệ người chồng tham gia vào công việc gia đình nhiều hơn nhưng nhìn chung, sự chênh lệch về mức độ tham gia công việc gia đình giữa vợ và chồng vẫn còn rất lớn. Người vợ vẫn là người đảm nhận hầu hết mọi công việc trong gia đình. Gánh nặng công việc của người trong gia đình chỉ được giảm nhẹ một phần khi có sự tham gia của các con khi chúng đã lớn.

Quan niệm của người dân (cả phụ nữ và nam giới) bên cạnh áp lực của cách thức kiếm sống vẫn chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi văn hóa truyền thống, coi công việc nội trợ, chăm sóc con cái trong gia đình là trách nhiệm, bổn phận của người vợ. Người dân không coi đó là bất bình đẳng mà xem đó như một lẽ hiển nhiên trong đời sống.

Các kết quả định lượng không cho phép chúng ta kết luận có mối quan hệ có ý nghĩa về mặt thống kê giữa yếu tố học vấn tới tình trạng bất bình đẳng giữa vợ và chồng như đã đặt ra trong giả thuyết nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu định tính cho thấy yếu tố chủ yếu tác động đến tình trạng bất bình đẳng giữa vợ và chồng chủ yếu xuất phát từ khía cạnh văn hóa truyền thống. Các định kiến về giới đã tác động mạnh mẽ, hình thành nên quan điểm, suy nghĩ khá thiên lệch của người dân về vai trò của người vợ, của người chồng trong việc thực hiện các công việc và ra các quyết định trong gia đình

Công việc nội trợ đã được đa số các ý kiến nhìn nhận là có giá trị kinh tế, tốn nhiều thời gian và công sức. Như vậy, những đóng góp về thời gian, công sức và tiền bạc của người vợ chủ yếu làm công việc nội trợ đối với gia đình đã phần nào được nhìn nhận. Đây là một dấu hiệu tốt để giảm những đối xử bất bình đẳng giới.

Vấn đề chia sẻ công việc nhà của người chồng phụ thuộc vào thời gian ở nhà của người chồng và quan điểm của người đó đối với việc phân công công việc nội trợ. Có những người chồng có quan điểm bình đẳng giới, rất mong muốn chia sẻ việc nhà với vợ nhưng điều kiện thời gian không cho phép. Những người này

thường rất trân trọng và đánh giá cao sự đóng góp công sức của người vợ đối với gia đình. Ngược lại, những người chồng gia trưởng, có định kiến giới, luôn coi việc nhà là việc của người vợ sẽ không hoặc ít làm việc nhà, kể cả khi có thời gian. Đây cũng là vấn đề mà chúng tôi thấy cần nghiên cứu sâu thêm.

Do các yếu tố ảnh hưởng đến bất bình đẳng giới giữa vợ và chồng chủ yếu nằm ở quan điểm thiên lệch của người dân nên chính quyền và các đoàn thể địa phương cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức của người dân về bình đẳng giới. Đó là biện pháp rất cần thiết và có ý nghĩa nhằm cải thiện tình trạng bất bình đẳng giới trong phân công lao động nội trợ giữa vợ và chồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Thị Bình, Trần Thị Vân Anh. *Giới và công tác giảm nghèo*. H.: Khoa học xã hội, 2001.
2. Mai Huy Bích. “Mấy nhận xét về tiếp thu và vận dụng lý thuyết giới trong nghiên cứu khoa học” trong *Nghiên cứu và đào tạo giới ở Việt Nam*. H.: Khoa học xã hội, 1999.
3. Nguyễn Kim Hà. “Về phân công lao động nam – nữ như một công cụ phân tích giới” trong *Nghiên cứu và đào tạo giới ở Việt Nam*. H.: Khoa học xã hội, 1999.
4. Lê Ngọc Lân. “Nghiên cứu và truyền bá giới ở Việt Nam – từ một góc nhìn văn hóa” trong *Nghiên cứu và đào tạo giới ở Việt Nam*. H.: Khoa học xã hội, 1999.

(tiếp theo trang 45)